**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VỚI QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH**

| **STT** | **QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH** | **DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT** | **THUYẾT MINH LÝ DO** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | - Hiện nay, các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp trực thuộc nhiều Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; đang được xác định các đơn vị sự nghiêp công lập trực thuộc cơ quan quản lý trực tiếp có thẩm quyền thành lập. Theo Luật Giáo dục đại học 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), Bộ GDĐT là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, trong đó có giáo dục đại học. Các cơ sở giáo dục đại học (bao gồm các cơ sở trọng điểm) đều chịu sự quản lý chung của Bộ GDĐT và của các cơ quan chủ quản khác.  - Việc giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập hiện nay thực hiện theo quy định của Điều 32 và các quy định có liên quan tại Luật Giáo dục Đại học; ngoài ra, việc giao quyền tự chủ được thực hiện theo quy định của Chính (như Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập… | **Khoản 1 Điều 3**  1. Tiếp tục sắp xếp, tái cấu trúc cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp công lập (trừ cơ sở trực thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng) theo hướng giảm đầu mối, gắn quản lý chuyên môn với tổ chức, nhân sự, tài chính; xóa bỏ cấp trung gian*,* bảo đảm tinh gọn, hiệu quả. Bộ Giáo dục và Đào tạo trực tiếp quản lý các đại học, trường đại học trọng điểm, đồng thời bảo đảm trao quyền tự chủ toàn diện về tổ chức, nhân sự, học thuật cho các cơ sở giáo dục đại học, không phụ thuộc vào mức độ tự chủ tài chính. Giao Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý một số cơ sở chuyên sâu, đặc thù; chuyển các cơ sở còn lại về địa phương gắn với nhu cầu phát triển nhân lực tại chỗ; nghiên cứu sáp nhập viện nghiên cứu với cơ sở giáo dục đại học, bảo đảm hệ thống thống nhất, hiện đại. | Thể chế hóa chỉ đạo tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Theo đó, Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, Văn bản số 59-CV/BCĐ ngày 12/9/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về việc thực hiện sắp xếp đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và đầu mối bên trong các cơ quan, tô chức trong hệ thống chính trị đã xác đỉnh rõ nhiệm vụ tiến hành sắp xếp, tái cấu trúc cơ sở giáo dục đại học và tổ chức đảng trong cơ sở giáo dục đại học; sáp nhập, giải thể các cơ sở giáo dục đại học không đạt chuẩn; xoá bỏ cấp trung gian, bảo đảm quản trị tinh gọn, thống nhất, hiệu quả; tăng cường quản lý nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học; bảo đảm nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính.  Như vậy, việc Bộ GDĐT đầu mối quản lý các đại học, cơ sở giáo dục đại học trọng điểm; Bộ Y tế, Bộ VHTTDL quản lý các trường chuyên sâu đặc thù; địa phương quản lý các cơ sở giáo dục địa học còn lại là phù hợp, đảm bảo thực hiện đúng chủ trương, chính sách của Đảng. |
|  | Việc bổ nhiệm nhân sự người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu tại các cơ sở giáo dục công lập hiện nay đang thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục Đại học, Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Tổ chức chính quyền địa phương | **Khoản 2 Điều 3**  2. Cơ quan quản lý trực tiếp bổ nhiệm nhân sự người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp công lập phù hợp với quy định của Đảng và Pháp luật có liên quan (trừ các Đại học Quốc gia); được phép quy định số lượng cấp phó của người đứng đầu khác với cơ cấu nhân sự trong giai đoạn chuyển tiếp bãi bỏ hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học công lập. | Thể chế hóa quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo: “Không tổ chức hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập (trừ các trường công lập có thoả thuận quốc tế). Thực hiện bí thư cấp uỷ kiêm người đứng đầu cơ sở giáo dục”  Luật Giáo dục đại học quy định không có hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục công lập. Trong giai đoạn chuyển tiếp, Chủ tịch Hội đồng trường có thể bố trí tham gia là thành viên Ban Giám đốc/Ban Giám hiệu của cơ sở giáo dục đại học nên thành phần, cơ cấu của Ban giám đốc/Ban Giám hiệu có thể phải điều chỉnh hợp lý. |
|  | Khoản 10 Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: “*10. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức, viên chức trên địa bàn theo* quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên; quyết *định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cách chức người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình; quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình, người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình”.* | **Khoản 3 Điều 3**  3. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có thẩm quyền tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, thuyên chuyển, biệt phái nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông trên địa bàn cấp tỉnh. | Quy định thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã tại khoản 10 Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương không có sự đồng bộ trong cùng một điều khoản vì thẩm quyền tuyển dụng thì theo *quy định của pháp luật và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên*, trong khi đó thẩm quyền bổ nhiệm thì quy định trực tiếp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.  Quy định về bổ nhiệm như khoản 10 Điều 23 Luật Tổ chức chính quyền địa phương vừa “bó cứng” vừa thiếu đồng bộ, gây khó khăn cho địa phương khi thực hiện vì trong trường hợp xã không có đủ điều kiện thực hiện hoặc cơ quan quản lý nhà nước cấp trên có các quy định phân cấp, ủy quyền khác cũng không thực hiện được.  - Căn cứ thực tế công tác tuyển dụng, biệt phái tại cấp huyện giai đoạn trước đây: Qua nắm bắt, kiểm tra, giám sát công tác QLNN về đội ngũ những năm qua cho thấy, một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng thừa/thiếu cục bộ giáo viên diễn ra nhiều năm không giải quyết được là do việc phân cấp thẩm quyền tuyển dụng, biệt phái giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì đối với cấp học MN, TH, THCS. Việc này dẫn tới tình trạng “phân mảnh” giữa các huyện, khi xảy ra tình trạng thừa, thiếu cục bộ giáo viên giữa 2 huyện thì không điều động được do thẩm quyền quản lý thuộc hai huyện khác nhau.  Mặt khác, do việc tuyển dụng Ngành GD không chủ trì nên dẫn tới tình trạng tuyển không đúng nhu cầu môn học; việc thi bài thi chung như viên chức các ngành khác nên không đánh giá được năng lực sư phạm của người dự tuyển trở thành giáo viên.  - Về thực trạng cấp xã hiện nay: cấp xã hiện nay không có cơ quan chuyên môn độc lập như cấp Sở, chỉ có VTVL phụ trách lĩnh vực GD&ĐT với số lượng rất ít nên không đủ người làm chuyên môn theo cấp hoặc lĩnh vực nên nếu giao cho cấp xã chủ trì việc tuyển dụng là không khả thi vì không đủ năng lực để tổ chức thi tuyển, việc đánh giá năng lực người dự thi không đảm bảo do không có chuyên môn; gây tốn kém cho nhà nước, cá nhân người dự thi và xã hội (vì hơn 3.200 xã tổ chức thi); làm giảm cơ hội trúng tuyển của người dự thi do ít cơ hội lựa chọn (vì mỗi lần thi chỉ ở 1 xã). Mặt khác, tình trạng “phân mảnh” sẽ nặng nề và phức tạp hơn ( hơn 3.200 xã thay cho hơn 700 huyện trước đây)  Sở GDĐT là cơ quan chuyên môn, chỉ đạo trực tiếp hoạt động giáo dục sẽ nắm chắc năng lực lãnh đạo, quản lý, quản trị nhà trường của cán bộ; có mặt bằng chung để đánh giá, so sánh, có thể thực hiện việc điều động, luân chuyển cán bộ từ địa phương này sang địa phương khác để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục. |
|  | Chưa có quy định cụ thể về tiêu chí Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo. Tiêu chí áp dụng cho chức danh Giám đốc Sở chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh hiện nay áp dụng theo quy định tại Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. | **Khoản 4 Điều 3**  4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí đối với Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm lựa chọn, bổ nhiệm người có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu lãnh đạo, quản lý ngành giáo dục tại địa phương.”. | Do giáo dục và đào tạo và ngành đặc thù, chức danh Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm quản lý số lượng người dạy và người học đông đảo nên cần có quy định cụ thể về tiêu chuẩn, tiêu chí đối với Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm lựa chọn, bổ nhiệm người có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý và kinh nghiệm phù hợp với yêu cầu lãnh đạo, quản lý ngành giáo dục tại địa phương.  Giám đốc Sở GDĐT là “tư lệnh ngành” ở địa phương, cần phải có những hiểu biết sâu sắc về giáo dục từ triết lý giáo dục đến tư duy hành động. Thực tiễn từ khi thành lập Ngành GD đến nay cho thấy, tuyệt đại đa số Giám đốc các Sở GDĐT trưởng thành từ nhà giáo, CBQL cơ sở giáo dục đều hoàn thành tốt nhiệm vụ, đưa giáo dục địa phương phát triển.  Mặt khác, Giám đốc các Sở GDĐT chịu sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn từ Bộ trưởng Bộ GDĐT, phải là người thống nhất trong nhận thức và tổ chức các hoạt động giáo dục; vì vậy khi địa phương bổ nhiệm cần thiết phải có ý kiến của Bộ GDĐT |
|  | - Về chế độ phụ cấp ưu đãi đặc thù nhà giáo: Nghị quyết 71-NQ/TW quy định:  “- Có chính sách ưu đãi đặc thù, vượt trội cho đội ngũ nhà giáo; nâng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông lên tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng chính sách phù hợp để huy động được người giỏi ngoài lực lượng nhà giáo tham gia giảng dạy, huấn luyện trong các cơ sở giáo dục; thực hiện chế độ giảng viên đồng cơ hữu cho những người giỏi đang công tác tại các đơn vị sự nghiệp công lập; có cơ chế khuyến khích huy động người giỏi chủ trì các hoạt động nghiên cứu khoa học tại các cơ sở giáo dục.”  - Cơ chế tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo hiện nay đang được thực hiện theo quy định của Luật Viên chức và các Nghị định hướng dẫn thi hành.  - Tiền lương của nhà giáo đang được chi trả theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và được áp dụng theo Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, hưởng mức lương khởi điểm tương ứng với quy định về trình độ đào tạo (loại B đối với trình độ trung cấp, loại A đối với từ trình độ đại học trở lên). Ngoài lương, nhà giáo còn được hưởng như: phụ cấp thâm niên nhà giáo[[1]](#footnote-1); phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy các cấp học, môn học, đối tượng dạy học và theo vùng miền với các mức từ 25% - 70%[[2]](#footnote-2). Ngoài ra, nhà giáo công tác tại các trường chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn còn được hưởng một số loại phụ cấp, trợ cấp tương ứng[[3]](#footnote-3). Bên cạnh đó, ở một số vị trí việc làm, đối với một số loại công việc, nhà giáo còn được chi trả thêm các khoản phụ cấp, trợ cấp, thù lao khác như phụ cấp chức vụ, phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, phụ cấp lưu động, chính sách ưu đãi trong giáo dục hòa nhập… Các loại phụ cấp, trợ cấp này góp phần nâng cao thu nhập của giáo viên.  Từ ngày 01/1/2026, Luật Nhà giáo có hiệu lực sẽ thực hiện theo quy định của Luật Nhà giáo và các văn bản hướng dẫn Luật Nhà giáo. | **Khoản 5 Điều 3**  5. Chính sách nhân lực đặc thù trong ngành giáo dục:  a) Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi đặc thù đối với nhà giáo, bảo đảm mức tối thiểu theo Nghị quyết số 71-NQ/TW: 70% đối với giáo viên mầm non, phổ thông, trung học nghề; 30% đối với nhân viên trường học; 100% đối với nhà giáo các cơ sở giáo dục cho người khuyết tật, trường chuyên biệt, nhà giáo công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;  b) Các địa phương xây dựng và áp dụng cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ linh hoạt, cạnh tranh đối với nhân lực giáo dục, có thể không phụ thuộc vào hệ thống thang bảng lương viên chức chung, để thu hút và trọng dụng chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học quốc tế, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài;  c) Thực hiện cơ chế đồng cơ hữu đối với nhân lực giáo dục để sử dụng tối ưu nguồn nhân lực từ các cơ sở giáo dục, *nhân lực* khoa học công nghệ chất lượng cao để sử dụng tối ưu nguồn nhân lực từ các cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu, cơ sở khám chữa bệnh, doanh nghiệp. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, chế độ và trách nhiệm của các bên. | *- Về phụ cấp ưu đãi đặc thù:* Nâng phụ cấp ưu đãi nghề lên mức tối thiểu 70% đối với giáo viên mầm non, phổ thông và 100% đối với giáo viên công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chính sách cụ thể hóa trực tiếp yêu cầu tại Nghị quyết 71-NQ/TW, là giải pháp chiến lược, cấp bách để tạo sức hút để tuyển dụng mới, từng bước giải quyết tình trạng thiếu hụt giáo viên hiện nay.  - *Về cơ chế tuyển dụng:* Cho phép các địa phương và cơ sở giáo dục trọng điểm được áp dụng chính sách đãi ngộ linh hoạt, vượt khung, tạo điều kiện để cạnh tranh bình đẳng trên thị trường lao động toàn cầu  *- Về cơ chế đồng cơ hữu:* Cho phép các chuyên gia, nhà khoa học từ các viện nghiên cứu, doanh nghiệp có thể kiêm nhiệm giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực trí thức chất lượng cao của xã hội, không tăng biên chế, đồng thời tăng cường liên kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất kinh doanh.  Nghị quyết 71 bổ sung chính sách đồng cơ hữu để khai thác, sử dụng đội ngũ các nhà khoa học uy tín, chất lượng của các Viện nghiên cứu, các bệnh viện, các ca sĩ, nghệ nhân, nghệ sĩ tham gia vào hoạt động giáo dục, góp phần nâng cao kỹ năng, chuyên môn và chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học. |
|  | Các quy định liên quan đến việc xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đang thực | **Khoản 6 Điều 3**  6. Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đủ số lượng, đồng bộ về cơ cấu, vững vàng về phẩm chất, giỏi về chuyên môn, đạt chuẩn khu vực và quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện và hội nhập quốc tế. | Tình trạng thiếu giáo viên đã đến mức báo động, ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai chương trình giáo dục. Theo thống kê, tính đến tháng 5/2025, cả nước còn thiếu 102.097 giáo viên các cấp học mầm non, phổ thông trong biên chế so với định mức, và các báo cáo gần đây cho thấy con số này có thể lên tới hơn 120.000 người. Tình trạng này gây quá tải cho đội ngũ hiện có, làm giảm chất lượng dạy và học, đặc biệt thiếu trầm trọng ở bậc mầm non và các môn học mới của chương trình giáo dục phổ thông 2018.  Việc mâng cao chất lượng, năng lực và tính sẵn sàng của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, chủ động chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và phát triển toàn diện người học. |
|  | Thẩm quyền của Chính phủ trong lĩnh vực giáo dục hiện nay thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 | **Khoản 1 Điều 4**  1. Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục:  a) Quyết định các chủ trương lớn có ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trong phạm vi cả nước;  b) Quyết định cải cách nội dung chương trình của từng cấp học; quyết định việc áp dụng đại trà chính sách mới trong giáo dục đã được thí điểm thành công, khi việc áp dụng đó ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trên phạm vi cả nước;  c) Quy định cơ chế khuyến khích và chính thức hóa mô hình đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp; cơ chế đồng tài trợ, đồng phát triển chương trình và công nhận kết quả học tập, kỹ năng do doanh nghiệp tổ chức đào tạo, phù hợp với pháp luật; | Nhằm tháo gỡ thủ tục hành chính trong thẩm định, phê duyệt và thí điểm chương trình giáo dục mới, tạo không gian và động lực cho sự đổi mới, sáng tạo từ cấp cơ sở, đáp ứng nhanh với sự thay đổi của thực tiễn. |
|  | Thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trong lĩnh vực giáo dục hiện nay thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Giáo dục năm 2019, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018), Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 và hệ thống các Nghị định hướng dẫn thi hành. | **Khoản 2 Điều 4**  2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo:  a) Báo cáo Chính phủ về hoạt động giáo dục và việc thực hiện ngân sách giáo dục; chỉ đạo đổi mới chương trình giáo dục mầm non nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của trẻ em ngay từ giai đoạn đầu đời;  b) Cho phép thí điểm triển khai chương trình giáo dục đổi mới (tích hợp, STEM/STEAM, song ngữ, quốc tế) và thành lập Hội đồng kỹ năng nghề ở một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, ưu tiên; việc thẩm định, phê duyệt chương trình và quy định cơ chế hoạt động của Hội đồng kỹ năng nghề do Bộ trưởng quy định;  c) Cho phép cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp xây dựng và triển khai chương trình đào tạo mở, linh hoạt, gắn với nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ và nhu cầu thị trường lao động; đồng thời quy định việc công nhận kết quả học tập, tín chỉ, chứng chỉ và kỹ năng tích lũy từ nhiều hình thức học tập, bảo đảm chuẩn đầu ra, kiểm định chất lượng, tính liên thông trong hệ thống giáo dục quốc dân, thúc đẩy học tập suốt đời và hội nhập quốc tế;  d) Thực hiện cơ chế đặc thù để tiếp nhận, chuyển giao, đặt hàng chương trình đào tạo nghề chất lượng cao từ các quốc gia tiên tiến trong các lĩnh vực công nghệ lõi, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, tự động hóa, cơ khí chính xác; lựa chọn cơ sở trọng điểm để tổ chức thí điểm, tiến tới nhân rộng; | - Đối với quy định: “Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo Chính phủ về hoạt động giáo dục và việc thực hiện ngân sách giáo dục”. Quy định nhằm b**ảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của Chính phủ đối với lĩnh vực giáo dục.** Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, có phạm vi ảnh hưởng rộng, liên quan trực tiếp đến phát triển nguồn nhân lực và an sinh xã hội. Báo cáo hằng năm giúp Chính phủ nắm bắt đầy đủ tình hình, từ đó chỉ đạo kịp thời, thống nhất trong quản lý nhà nước về giáo dục. Bên cạnh đó, quy định này nhằm t**ăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình trong sử dụng ngân sách.** Ngân sách chi cho giáo dục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi ngân sách nhà nước. Việc báo cáo định kỳ giúp đánh giá hiệu quả sử dụng, kịp thời điều chỉnh cơ cấu chi, đồng thời bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan quản lý. **Đáp ứng yêu cầu giám sát của Quốc hội, các cơ quan chức năng và xã hội.** Thông tin từ báo cáo là cơ sở để Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan có thẩm quyền giám sát việc thực hiện chính sách giáo dục, phân bổ và sử dụng ngân sách. Qua đó góp phần củng cố niềm tin xã hội, khuyến khích sự tham gia và đồng hành của nhân dân trong phát triển giáo dục. Ngoài ra, quy định cũng nhằm p**hục vụ công tác hoạch định chính sách và lập kế hoạch phát triển giáo dục hằng năm, trung, dài hạn.** Báo cáo tổng hợp hằng năm tạo nguồn dữ liệu tin cậy để Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương xây dựng chiến lược, kế hoạch giáo dục – đào tạo gắn với khả năng cân đối ngân sách. Đồng thời, đây cũng là căn cứ quan trọng để điều chỉnh, bổ sung chính sách, bảo đảm phù hợp với thực tiễn và mục tiêu phát triển đất nước.  - Việc giao Bộ trưởng Bộ GDĐT “chỉ đạo đổi mới chương trình giáo dục mầm non nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của trẻ em ngay từ giai đoạn đầu” bảo đảm phù hợp với thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quản lý nhà nước, trong đó có đổi mới chương trình giáo dục của cấp học; Làm căn cứ để Bộ GDĐT xây dựng Chương trình giáo dục mầm non mới, giải quyết vướng mắc tại Điều 105 Luật Giáo dục.  - Cho phép thí điểm các chương trình tiên tiến như tích hợp, STEM/STEAM, song ngữ, quốc tế theo một quy trình thẩm định, phê duyệt rút gọn của Bộ GDĐT. Chính sách sẽ đẩy nhanh đổi mới, cho phép các đơn vị tiên phong được thử nghiệm và nhân rộng các mô hình thành công, tạo hiệu ứng lan tỏa trong toàn hệ thống.  - Chính sách này trao quyền tự chủ học thuật thực chất cho các trường đại học, cho phép linh hoạt xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo để đáp ứng kịp thời nhu cầu của thị trường lao động và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, gắn kết chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.  Đồng thời, tăng quyền tự chủ học thuật cho đại học: Việc cho phép xây dựng chương trình đào tạo mở, linh hoạt gắn với nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và nhu cầu thị trường lao động giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời đảm bảo chuẩn đầu ra và kiểm định chất lượng quốc tế; Lan tỏa đổi mới ra toàn hệ thống: Các mô hình thí điểm thành công sẽ trở thành “hạt nhân” để nhân rộng, tạo hiệu ứng lan tỏa trong đổi mới chương trình, phương pháp dạy – học, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cách mạng công nghiệp 4.0.  Chính sách này mang tính cải cách mạnh mẽ, vừa bảo đảm tính thống nhất trong quản lý, vừa khuyến khích sự chủ động, sáng tạo từ cơ sở, qua đó tạo ra bước chuyển đột phá cho giáo dục. |
|  | Các quy định liên quan đến sách giáo khoa hiện thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục năm 2019 và hệ thống các văn bản có liên quan | **Điểm đ khoản 2 Điều 4**  đ) Chịu trách nhiệm về việc chủ trì tổ chức thực hiện và quyết định sử dụng một bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông để áp dụng thống nhất toàn quốc theo lộ trình phù hợp, bảo đảm hiệu quả và tiết kiệm. | Chính sách góp phần giảm bớt gánh nặng tài chính cho xã hội, thực hiện công bằng trong giáo dục, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đảm bảo mọi học sinh, không phân biệt hoàn cảnh, đều có đủ điều kiện học tập tối thiểu. Giao trách nhiệm cho Bộ GDĐT nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm thể chế hóa các quy định, chủ trương của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị. |
|  | Chưa có quy định cụ thể | **Khoản 3 Điều 4**  3. Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đối với các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao thành tích cao, bao gồm: phát hiện, tuyển chọn và đào tạo tài năng từ sớm; áp dụng chuẩn nghề nghiệp riêng cho giảng viên, huấn luyện viên, nghệ sĩ; ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đặc thù phục vụ đào tạo và thực hành; thực hiện chính sách đãi ngộ gắn với thành tích quốc gia, quốc tế; đặt hàng đào tạo nhân lực chất lượng cao gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động. | Việc quy định về cơ chế, chính sách đối với các ngành, nghề chuyên sâu, đặc thù, các ngành phát triển kinh tế mũi nhọn của đất nước như văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, du lịch, báo chí - xuất bản… nhằm:  1) Tuyển sinh từ sớm gắn với năng khiếu và đào tạo tài năng: Luật giáo dục hiện hành quy định chuẩn đầu vào chung, không cho phép ngoại lệ cho các lĩnh vực đặc thù như nghệ thuật, thể thao... Tuy nhiên, việc phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu từ lứa tuổi nhỏ là yếu tố then chốt để phát triển tài năng, đặc biệt trong các lĩnh vực đòi hỏi thời gian đào tạo dài và độ tuổi tối ưu. Nếu chậm trễ, cơ hội phát triển tài năng sẽ bị bỏ lỡ, gây tổn thất không thể bù đắp. Do đó, Nghị quyết cần thiết lập cơ chế đặc thù cho những ngành này.  2) Công nhận chuẩn nghề nghiệp riêng cho giảng viên, huấn luyện viên: Các quy định hiện hành yêu cầu học vị (thạc sĩ, tiến sĩ) cho giảng viên, nhưng trong nghệ thuật và thể thao, thành tích thực tiễn và danh hiệu(NSND, NSƯT, HLV quốc tế) thường quan trọng hơn, tương tự với chuyên gia, nhà quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch. Việc áp dụng tiêu chuẩn học vị chung gây lãng phí nguồn nhân lực chất lượng cao, khi nhiều chuyên gia xuất sắc không đáp ứng được yêu cầu học vị. Nghị quyết cần công nhận chuẩn nghề nghiệp riêng, với tiêu chí cụ thể do Chính phủ ban hành, để tận dụng tối đa nguồn lực này.  3) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đặc thù: Luật giáo dục không quy định tỷ lệ phân bổ ngân sách hay danh mục đầu tư cụ thể cho các lĩnh vực đặc thù. Trong khi đó, các cơ sở đào tạo nghệ thuật, thể thao, báo chí – xuất bản đang thiếu hụt nghiêm trọng trang thiết bị thực hành, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo. Nghị quyết cần xác lập nguyên tắc ưu tiên đầu tư, giao Chính phủ quy định mức độ và danh mục đầu tư để đảm bảo hiệu quả.  4) Chính sách đãi ngộ dựa trên thành tích quốc gia, quốc tế: Cơ chế tiền lương, phụ cấp hiện hành mang tính tổng quát, không khuyến khích đủ mạnh các tài năng đặc thù. Giảng viên, huấn luyện viên, vận động viên, nghệ sĩ có thành tích nổi bật cần chế độ đãi ngộ đặc biệt. Nghị quyết cần cho phép áp dụng cơ chế đãi ngộ riêng dựa trên thành tích.  5) Nhà nước đặt hàng đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực số, nhân lực phục vụ phát triển xanh, phát triển bền vững: Luật giáo dục quy định chung về chỉ tiêu đào tạo, không đáp ứng được nhu cầu đặc thù của các lĩnh vực như du lịch, báo chí, nghệ thuật, thể thao. Nhu cầu nhân lực chất lượng cao và nhân lực số trong các lĩnh vực này đang thiếu hụt nghiêm trọng, đòi hỏi cơ chế đặt hàng cụ thể. Nghị quyết cần khẳng định cơ chế này, giao Chính phủ quy định tiêu chí và cách thức triển khai.  6) Gắn kết đào tạo với thực tiễn doanh nghiệp, cơ quan báo chí - xuất bản, đơn vị nghệ thuật, thể thao: Luật giáo dục chỉ quy định chung về thực tập, chưa có cơ chế bắt buộc gắn kết với doanh nghiệp hoặc cơ quan nghề nghiệp. Thực tế, sự thiếu kết nối này khiến sinh viên khó đáp ứng yêu cầu thực tiễn, dẫn đến nhân lực yếu kỹ năng. Nghị quyết cần quy định nguyên tắc gắn kết đào tạo với thực tiễn, hình thức và tỷ lệ cụ thể do Chính phủ hướng dẫn. |
|  | Chưa quy định | **Khoản 1 Điều 5**  1. Thực hiện thí điểm mô hình hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp để xây dựng Nền tảng giáo dục quốc gia thông minh, phục vụ quản trị cơ sở giáo dục, đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá, bảo đảm phù hợp với ngôn ngữ, văn hóa và pháp luật Việt Nam. | Chính sách xây dựng Nền tảng giáo dục quốc gia thông minh nhằm tận dụng sức mạnh của trí tuệ nhân tạo để cá nhân hóa học tập, đổi mới phương pháp dạy – học, kiểm tra đánh giá, đồng thời giảm tải hành chính cho giáo viên.  Phù hợp tinh thần Nghị quyết 193/2025/QH15 về đột phá đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng thời góp phần đưa giáo dục Việt Nam tiệm cận các mô hình tiên tiến trên thế giới. |
|  | Chưa quy định | **Khoản 2 Điều 5**  2. Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động, việc làm và tích hợp dữ liệu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của các cơ sở giáo dục, phục vụ đánh giá, dự báo cung – cầu nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và chất lượng giáo dục, đào tạo. | Chính sách thí điểm này nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành tại Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, vật liệu mới, năng lượng tái tạo, công nghệ sinh học, an ninh mạng…  - Tăng sức hút nhân tài quốc tế: Việc dành ngân sách trực tiếp cho tuyển chọn, đãi ngộ chuyên gia nước ngoài thể hiện cam kết mạnh mẽ của Nhà nước, biến Việt Nam thành điểm đến hấp dẫn trong khu vực.  - Tạo môi trường nghiên cứu: Các chuyên gia quốc tế tham gia cùng trường đại học sẽ giúp nâng cao chất lượng nghiên cứu, kết nối mạng lưới học thuật và công nghệ toàn cầu.  - Chuyển giao tri thức và công nghệ: Chính sách giúp rút ngắn khoảng cách phát triển khoa học – công nghệ, thông qua đào tạo đội ngũ kế cận trong nước dưới sự hướng dẫn trực tiếp của chuyên gia quốc tế.  - Phù hợp định hướng chiến lược quốc gia: Đây là công cụ quan trọng để hiện thực hóa Nghị quyết 71-NQ/TW về phát triển nhân lực chất lượng cao, đồng thời gắn với mục tiêu xây dựng đại học nghiên cứu đạt chuẩn quốc tế.  Chính sách này không chỉ tăng cường năng lực nghiên cứu – đổi mới sáng tạo, mà còn góp phần nâng cao vị thế của giáo dục đại học Việt Nam trên bản đồ khoa học toàn cầu.  Việc bổ sung các chính sách Phát triển hệ thống thông tin giáo dục và nhân lực quốc gia, bảo đảm kết nối, liên thông với hệ thống thông tin thị trường lao động là đặc biệt quan trọng, phục vụ trực tiếp hoạt động phát triển các chương trình đào tạo mới, hoạt động đảm bảo chất lượng, kiểm định giáo dục đại học. |
|  | Chưa quy định | **Khoản 3 Điều 5**  3. Thí điểm cơ chế sử dụng nguồn lực ngân sách và huy động chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước để phát triển công nghệ chiến lược, triển khai mô hình giáo dục đại học số, tăng cường liên kết, chia sẻ nguồn lực giữa các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, nghiên cứu. | **Quy định nhằm đáp ứng yêu cầu cấp thiết về nhân lực khoa học – công nghệ trình độ cao. Hiện nay,** Việt Nam hiện còn thiếu đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành trong nhiều lĩnh vực mũi nhọn (AI, bán dẫn, năng lượng mới, công nghệ sinh học…). Việc thu hút chuyên gia, nhà khoa học giỏi từ nước ngoài giúp khắc phục khoảng trống nhân lực chất lượng cao, hỗ trợ nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu trong nước. Bên cạnh đó, quy định sẽ giúp t**ạo động lực cho nghiên cứu, phát triển công nghệ chiến lược.** Các công nghệ lõi, công nghệ chiến lược thường đòi hỏi trình độ rất cao, kinh nghiệm quốc tế và mạng lưới hợp tác toàn cầu. Có sự tham gia của chuyên gia quốc tế, các cơ sở giáo dục đại học sẽ nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ mới, đóng góp trực tiếp cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngoài ra, quy định nhằm p**hát huy vai trò đầu tàu của cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Các cơ sở giáo dục đ**ại học là trung tâm đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Thí điểm cơ chế sử dụng ngân sách nhà nước để thu hút chuyên gia nước ngoài sẽ tạo điều kiện để các trường đại học gắn kết chặt chẽ hơn với doanh nghiệp, viện nghiên cứu, qua đó thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Chính sách cũng sẽ góp phần gắn kết các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam với mạng lưới tri thức toàn cầu, nâng cao uy tín, thu hút hợp tác quốc tế. qua đó từng bước đưa giáo dục đại học và khoa học – công nghệ Việt Nam tiệm cận chuẩn mực khu vực, quốc tế.  Từng bước đưa giáo dục đại học và khoa học – công nghệ , chính sách c chính sáchước đưa gt chính sáchước đưa giáo dục đại… đchính sáchước đưa giáo dục đại học và khoa học – công nghệ Việt Nam tiệm cận chuẩn mực, vichính sáchướđichính sáchướphép đánh giá tính khả thi trước khi xem xét mở rộng.  Chính sách thí điểm mô hình giáo dục đại học số cho phép các trường chia sẻ hạ tầng, học liệu, phòng thí nghiệm ảo, đội ngũ giảng viên chất lượng cao, qua đó tối ưu hóa nguồn lực, giảm chi phí đầu tư dàn trải, nâng cao chất lượng đào tạo.  Mô hình Đại học số còn giúp mở rộng cơ hội học tập cho sinh viên ở mọi vùng miền, thu hẹp khoảng cách số, đồng thời xây dựng một hệ sinh thái đại học kết nối có khả năng hội nhập quốc tế mạnh mẽ.  Đây là bước chuẩn bị quan trọng cho giáo dục Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số toàn diện. |
|  | * Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; * Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển KHCN, ĐMST và CĐS quốc gia.   Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (có hiệu lực từ 01/10/2025) | **Khoản 5 Điều 6**  5. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp để đầu tư phát triển phòng thí nghiệm dùng chung, tăng cường đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, ưu tiên các lĩnh vực công nghệ chiến lược. | Việc phát triển cơ chế hợp tác đầu tư phòng thí nghiệm dùng chung giữa Nhà nước – nhà trường – doanh nghiệp giúp tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực công nghệ chiến lược, tránh tình trạng đầu tư phân tán.  Mô hình này khuyến khích chia sẻ trang thiết bị, cơ sở dữ liệu, đồng thời gắn kết đào tạo với thực tiễn nghiên cứu và nhu cầu doanh nghiệp.  Chính sách sẽ nâng cao năng lực nghiên cứu, tạo môi trường thuận lợi để chuyển giao công nghệ, hình thành các trung tâm nghiên cứu – đổi mới sáng tạo mang tầm quốc gia và khu vực. |
|  | Các quy định liên quan đến thị thực và giấy phép lao động cho các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam hiện đang thực hiện theo Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và các quy định khác như Nghị định số 221/2025/NĐ-CP quy định về việc miễn thị thực có thời hạn cho người nước ngoài thuộc diện đối tượng đặc biệt cần ưu đãi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội… | **Khoản 1 Điều 6**  1. Thí điểm cơ chế miễn thị thực và miễn giấy phép lao động trong thời gian 05 năm cho các chuyên gia, nhà khoa học là người nước ngoài có trình độ Tiến sĩ làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp. | Phá bỏ các rào cản hành chính, tạo ra một môi trường thực sự mở và cạnh tranh để thu hút nhân tài toàn cầu, nâng cao vị thế và sức hấp dẫn của giáo dục Việt Nam trên trường quốc tế. Trong đó:  *Việc miễn thị thực và giấy phép lao động:* Chính sách đột phá, chuyển đổi cách tiếp cận từ rào cản hành chính sang lợi thế cạnh tranh. Chính sách thí điểm miễn thị thực và giấy phép lao động trong 05 năm cho nhóm đối tượng chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, hướng tới mục tiêu đề ra tại Nghị quyết 71-NQ/TW là tuyển dụng ít nhất 2.000 giảng viên giỏi từ nước ngoài. |
|  | Cơ sở giáo dục đại học hiện nay chưa có thẩm quyền tự xác nhận miễn giấy phép lao động. Việc xác nhận thuộc về cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của Bộ Luật Lao động 2019 và Nghị định Nghị định 219/2025/NĐ-CP. | **Khoản 2 Điều 6**  2. Các đại học và cơ sở giáo dục đại học trọng điểm được phép xác nhận trường hợp chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài có trình độ tiến sĩ được mời làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại cơ sở mình không thuộc diện phải cấp giấy phép lao động theo tiêu chí do do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.  Việc xác nhận của cơ sở giáo dục đại học thay thế thủ tục xin xác nhận tại cơ quan có thẩm quyền ở địa phương. Cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của văn bằng, chứng chỉ và điều kiện làm việc của chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài theo quy định của pháp luật. | Nhằm giao quyền chủ động cho cơ sở giáo dục đại học trong việc mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài về Việt Nam làm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật tại cơ sở giáo dục đại học; thực hiện chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học giỏi về nghiên cứu, hoạt động tại Việt Nam  Chính phủ đã ban hành Nghị định số 249/2025/NĐ-CP quy định cơ chế, chính sách thu hút chuyên gia khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nghị định này quy định cơ chế chính sách thu hút gồm tiêu chí, quy trình tuyển chọn, quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm, đánh giá, chính sách đối với chuyên gia khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.  Khoản 14 Điều 7 Nghị định 219/2025/NĐ-CP quy định các các trường hợp người nước ngoài vào làm việc tại các cơ sở giáo dục được Bộ GDĐT xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ, tuy nhiên vẫn phải thực hiện hai TTHC gồm xác nhận tại Bộ GDĐT và xin cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ tại địa phương. Về mặt TTHC, Nghị định 219/2025/NĐ-CP không giảm được thời gian và chi phí về đi lại, thực hiện TTHC, gây trở ngại cho cơ sở giáo dục trong việc thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên người nước ngoài đến làm việc tại Việt Nam.  Để thực sự thực hiện hiệu quả các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về tăng cường tính tự chủ, thúc đẩy hội nhập quốc tế và tạo đột phá trong chính sách thu hút nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển giáo dục đại học. Bộ GDĐT kiến nghị việc phân cấp, phân quyền mạnh cho một số cơ sở giáo dục đại học trọng điểm. |
|  | Quyết định số 06/2020/QĐ-TTg ngày 21/2/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; quy định thẩm quyền cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh (tùy thuộc vào thành phần tham dự) | **Khoản 3 Điều 6**  3. Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trong các ngành, lĩnh vực đặc thù theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; thực hiện thông báo theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. | Nhằm giao quyền chủ động và tự chủ cho cơ sở giáo dục đại học được tự tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trong các ngành, lĩnh vực đặc thù theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo mà không phải xin phép để tháo gỡ vướng mắc thực tiễn hiện nay nhằm tăng cường hội nhập quốc tế về mọi mặt của cơ sở giáo dục đại học  Trên thực tế nhiều năm triển khai thực hiện Quyết định 06/2020/QĐ-TTg đã bộc lộ nhiều bất cập đối với việc tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế của các CSGD ĐH, CSGDNN. Các CSGD khi gửi hồ sơ xin cấp phép Hội nghị, hội thảo quốc tế phải chờ đợi thời gian thực hiện xử lý dài do quy định yêu cầu Cơ quan xử lý phải hỏi ý kiến của UBND tỉnh. Việc này đã ảnh hưởng đến tiến độ, kế hoạch của các cơ sở giáo dục thậm chí nhiều hội thảo, hội nghị buộc phải hủy hoặc phải hoãn chuyển thời gian khác, ảnh hưởng đến uy tín và tính cam kết quốc tế của các CSGD. Để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các CSGD, Bộ GDĐT kiến nghị phân cấp, phân quyền cho các CSGD trong việc tự chủ tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức Hội nghị, hội thảo quốc tế.  Chính sách này trao quyền tự chủ học thuật thực chất cho các trường đại học. Ưu tiên cho các cơ sở giáo dục đại học tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế trong các ngành, lĩnh vực đặc thụ (AI, bán dẫn, khoa học công nghệ, y dược, …..) mà không cần xin phép. Tuy nhiên, các cơ sở này cần làm đề án và thông báo bằng văn bản đến Bộ GDĐT và địa phương nơi tổ chức để đảm bảo an ninh trật tự và an ninh quốc gia đối với hoạt động có yếu tố nước ngoài. |
|  | Chưa quy định | **Khoản 4 Điều 6**  4. Khuyến khích cơ sở giáo dục đại học Việt Nam và cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thuộc nhóm 500 cơ sở giáo dục đại học được xếp thứ hạng cao nhất trong các bảng xếp hạng cơ sở giáo dục đại học có uy tín trên thế giới của một trong ba năm gần nhất liên kết thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục. | Dự thảo Luật Giáo dục Đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp quy định hình thức hợp tác, đầu tư của cơ sở giáo dục đại học và nghề nghiệp Việt Nam bao gồm liên kết thành lập đơn vị đào tạo. Mô hình phân hiệu được thành lập bởi liên kết cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp trong nước với cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp nước ngoài rất phổ biến ở các quốc gia châu Á như Trung Quốc, Malaysia, Singapore, …  Quy định này nhằm thể chế hóa bằng văn bản chính sách của Nhà nước khuyến khích cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp Việt Nam hợp tác với cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp nước ngoài thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học, nghề nghiệp nước ngoài tại Việt Nam theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong lĩnh vực giáo dục.  Áp dụng cơ chế PPP trong lĩnh vực giáo dục góp phần thu hút, huy động nguồn lực xã hội, nâng cao hiệu quả đầu tư. Đây là cơ chế vừa đảm bảo lợi ích công, vừa khuyến khích khu vực tư nhân và đối tác quốc tế tham gia đầu tư lâu dài, bền vững, đ**áp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục đại học, tăng cường hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế quốc gia, tạo môi trường cạnh tranh, đổi mới sáng tạo và đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội.** |
|  | Trường hợp sinh viên là người nước ngoài đang học tập tại cơ sở giáo dục của Việt Nam thực hiện theo quy định tại tại Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018; [Nghị định 219/2025/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-152-2020-ND-CP-quan-ly-nguoi-lao-dong-nuoc-ngoai-lam-viec-tai-Viet-Nam-280261.aspx?anchor=dieu_7) ngày 07/8/2025 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Bộ luật Lao động. Theo đó, khoản 7 Điều 7 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP chưa có quy định "7. Học sinh, sinh viên, học viên nước ngoài đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở Việt Nam hoặc nước ngoài có thỏa thuận thực tập hoặc thư mời làm việc cho người sử dụng lao động tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam". Tuy nhiên, chưa quy định cụ thể số giờ sinh viên quốc tế được làm thêm. Đồng thời, sinh viên quốc tế vẫn phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. | **Khoản 5 Điều 6**  5. Cho phép sinh viên quốc tế làm việc tối đa 20 giờ/tuần trong thời gian học tập, nghiên cứu tại Việt Nam. | *Về cho phép sinh viên quốc tế làm thêm*: Chính sách cho phép sinh viên quốc tế được phép làm thêm tối đa 20 giờ/tuần để đảm bảo chi phí sinh hoạt, trải nghiệm văn hóa, môi trường làm việc tại Việt Nam, góp phần thu hút thêm sinh viên quốc tế.  Khoản 7, Điều 7, Nghị định 219/2025/NĐ-CP ngày 07/8/2025 quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam  **Điều 7. Người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động**  7. Học sinh, sinh viên, học viên nước ngoài đang học tập tại các trường, cơ sở đào tạo ở Việt Nam hoặc nước ngoài có thỏa thuận thực tập hoặc thư mời làm việc cho người sử dụng lao động tại Việt Nam; học viên thực tập, tập sự trên tàu biển Việt Nam.  Tuy nhiên, hiện nay không có quy định về thời gian làm việc cụ thể. Quy định này nhằm thể chế hóa thời gian tối đa sinh viên quốc tế được phép làm việc trong thời gian học tập và nghiên cứu ở Việt Nam. Quy định sinh viên quốc tế được làm việc tối đa 20 giờ/tuần đã được nhiều nước trên thế giới áp dụng. Việc cho phép sinh viên quốc tế được làm thêm tối đa 20 giờ/tuần giúp sinh viên đảm bảo chi phí sinh hoạt, trải nghiệm văn hóa, môi trường làm việc tại Việt Nam, góp phần thu hút thêm sinh viên quốc tế  Ngoài ra, kiến nghị bổ sung này cho phép sinh viên quốc tế làm thêm để phù hợp với bối cảnh quốc tế và các chính sách đối với sinh viên nước ngoài học đại học tại các nước trên thế giới trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng, có đi có lại.  - Phù hợp với định hướng tăng tỉ lệ sinh viên quốc tế lên 1,5% trong Quyết định 1600/QĐ-TTg ngày 16/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ |
|  | Chưa quy định | **Điều 7. Quỹ học bổng Quốc gia**  1. Thành lập Quỹ học bổng quốc gia (sau đây gọi là Quỹ), trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.  2. Nguồn hình thành Quỹ gồm: ngân sách nhà nước; đóng góp, tài trợ, viện trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.  3. Nhiệm vụ của Quỹ:  a) Cấp học bổng tài năng, hỗ trợ phát triển nhân lực chất lượng cao, ưu tiên hỗ trợ học bổng cho nghiên cứu sinh và học viên cao học tài năng trong các ngành khoa học công nghệ cơ bản;  b) Khuyến khích, hỗ trợ học tập, nghiên cứu của học sinh, sinh viên, học viên sau đại học và nhà giáo;  c) Hỗ trợ phát triển kỹ năng nghề cho người học và người lao động trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên, gắn với nhu cầu thị trường lao động và hội nhập quốc tế;  d) Phát huy hiệu quả các quỹ khuyến tài, khuyến học và các quỹ phát triển kỹ năng khác từ nguồn ngân sách và xã hội hóa theo quy định của pháp luật.  4. Chính phủ ban hành quy chế tổ chức, quản lý và sử dụng Quỹ, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, có kiểm toán độc lập; đồng thời quy định trách nhiệm phối hợp, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan. | Quỹ học bổng Quốc gia nhằm tạo ra một cơ chế tài chính linh hoạt, bổ sung ngân sách nhà nước, để tài trợ cho các ý tưởng, dự án đổi mới, đột phá mà cơ chế ngân sách truyền thống khó đáp ứng kịp thời và hiệu quả. Chính sách quy định Quỹ sẽ hoạt động như một “quỹ đầu tư” cho các sáng kiến giáo dục, ưu tiên tài trợ cho các dự án thí điểm đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, các nghiên cứu khoa học giáo dục có tính ứng dụng cao, các dự án chuyển đổi số và cấp học bổng cho các tài năng trẻ. Với nguồn vốn đa dạng từ ngân sách, xã hội hóa và các nguồn viện trợ, Quỹ sẽ là đòn bẩy tài chính quan trọng, thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới từ cấp cơ sở.  Việc quy định thành lập Quỹ học bổng quốc gia nhằm thực hiện quy định tại nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 2 của Nghị quyết số 71-NQ/TW; tạo công cụ tài chính ổn định để **phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao,** phát triển nhân tài, khuyến học, khuyến tài, góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của đất nước. Hiện nay có nhiều chương trình học bổng được hình thành từ ngân sách nhà nước hoặc nguồn xã hội hóa, tuy nhiên còn phân tán, thiếu tính điều phối, hiệu quả chưa cao. Việc thành lập Quỹ học bổng quốc gia giúp tập trung, thống nhất quản lý, bảo đảm công khai, minh bạch, đồng thời tạo điều kiện để phát huy tối đa hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính cho mục tiêu khuyến khích học tập, nghiên cứu. Quỹ học bổng quốc gia cũng góp phần bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục, khuyến khích học sinh, sinh viên, nhà giáo nỗ lực học tập, nghiên cứu, sáng tạo, qua đó tạo động lực mạnh mẽ cho phong trào học tập suốt đời và nâng cao dân trí. Nhiều quốc gia đã thành lập quỹ học bổng quốc gia để hỗ trợ đào tạo nhân lực trong và ngoài nước, đồng thời thu hút nguồn tài trợ, hợp tác của các tổ chức, cá nhân quốc tế. Việc thành lập Quỹ học bổng quốc gia không chỉ phù hợp với xu thế chung mà còn mở rộng cơ hội hợp tác, trao đổi, nâng cao uy tín và vị thế giáo dục Việt Nam trên trường quốc tế |
|  | Trong các văn bản của Đảng đã nêu rõ chủ trương về cơ chế tài chính và đầu tư cho giáo dục và đào tạo như sau: Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách; ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách [[4]](#footnote-4); kịp thời điều chỉnh tăng mức chi ngân sách nhà nước cho giáo dục và đào tạo phù hợp với tăng trưởng của nền kinh tế[[5]](#footnote-5); đẩy mạnh xã hội hóa, cải thiện môi trường đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, bảo đảm cạnh tranh công bằng, minh bạch; có cơ chế, chính sách mạnh mẽ thúc đẩy, khuyến khích phát triển giáo dục ngoài công lập, nhất là các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo; tập trung tháo gỡ những vướng mắc trong cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập[[6]](#footnote-6).  Theo Điều 96 Luật Giáo dục 2019, Nhà nước ưu tiên hàng đầu bố trí ngân sách cho giáo dục, bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu là 20% tổng chi ngân sách nhà nước | **Khoản 1 Điều 8**  1. Ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm tỷ lệ chi cho giáo dục và đào tạo tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước; trong đó chi đầu tư phát triển không thấp hơn 5% và chi cho giáo dục đại học không thấp hơn 3% tổng chi ngân sách nhà nước. | Quy định này nhằm luật hóa quy định tại nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 2 của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025; thể hiện cụ thể mức chi NSNN cho giáo dục và đào tạo nói chung và tỷ lệ chi đầu tư nguồn NSNN cụ thể cho giáo dục và cho giáo dục đại học. Hiện nay, Luật Giáo dục năm 2019 có quy định “*Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm NSNN chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu là 20% tổng chi NSNN”;* tuy nhiên chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ chi đầu tư phát triển nguồn NSNN cho giáo dục và chưa có quy định cụ thể về tỷ lệ chi đầu tư phát triển nguồn NSNN cho giáo dục đại học.  Thực tế, thời gian vừa qua NSNN chi cho giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng yêu cầu, trong khi các nguồn lực xã hội còn hạn chế. Cụ thể: Tỷ lệ chi NSNN cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo một số năm chưa bảo đảm tối thiểu 20% tổng chi ngân sách nhà nước. Cơ cấu chi chủ yếu cho chi thường xuyên, giai đoạn 2013-2024, tỷ lệ chi thường xuyên bình quân chiếm 82,4% tổng chi NSNN cho giáo dục, chi đầu tư chỉ chiếm 17,6%. Số chi đầu tư này rất thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu rất cấp thiết cho đầu tư mới và cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục. Bình quân 10 năm gần đây, chi ngân sách nhà nước cho giáo dục đại học chỉ chiếm 0,9% trong tổng chi NSNN, trong đó năm 2024 chỉ chiếm 0,61%, thấp hơn nhiều so các nước OECD và một số nước khu vực ASEAN.  Hiện nay Bộ Tài chính chưa công khai số chi ngân sách đầu tư cho giáo dục, vì vậy bổ sung quy định Quy định tỷ lệ chi tối thiểu 20% tổng chi NSNN cho giáo dục, trong đó chi đầu tư phát triển không thấp hơn 5% và chi cho giáo dục đại học không thấp hơn 3% tổng chi NSNN cho giáo dục và đào tạo để đảm bảo công khai số chi đầu tư cho giáo dục và công khai số chi chi cho giáo dục đại học. Chính sách nhằm chấm dứt tình trạng phân bổ ngân sách không đạt mục tiêu, đảo ngược xu thế suy giảm đầu tư cho giáo dục đại học, tạo nguồn lực tài chính ổn định và nền tảng để các trường đại học nâng cao chất lượng, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học.  Quy định này cũng đ**áp ứng yêu cầu đầu tư ổn định, lâu dài cho giáo dục và giáo dục đại học.** Việc ấn định tỷ lệ tối thiểu tạo khung pháp lý cho triển khai thực hiện, tránh tình trạng thiếu quan tâm của Nhà nước về đầu tư làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục. |
|  | Trong các văn bản của đảng (NQ số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập) đã yêu Ngân sách nhà nước Nhà nước chăm lo, bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, nâng cao khả năng tiếp cận và chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, xác định các dịch vụ sự nghiệp công do ngân sách nhà nước phải bảo đảm, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hoá, trước hết là các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp | **Khoản 2 Điều 8**  2. Ngân sách nhà nước ưu tiên bố trí cho giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế; đồng thời bảo đảm đầu tư thích đáng cho giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên theo định hướng phát triển nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ. | Trước đây quan điểm của Đảng cũng đã chăm lo, bảo đảm cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu, dịch vụ công đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Nhà nước đã quan tâm đầu tư các lĩnh vực giáo dục mầm non phổ thông, giáo dục các vùng kho khăn, nhưng mức độ càn hạn chế, nhiều học sinh gia đình khó khăn, học sinh vùng sâu vùng xa vẫn phải đóng học phí, đến nay Nhà nước đã có chủ trương miễn học phí đối với toàn bộ học sinh mầm non phổ thông, thực hiện phổ cập giao dục cho trẻ 3- 5 tuổi,…vì vậy cần đưa vào Nghị quyết để ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện chính sách miễn học phí, chính sách phổ cập,… đối với giáo dục mầm non phổ thông  Đối với giáo dục giáo đại học, giáo dục nghề nghiệp, quan điểm của Đảng (NQ 19) là đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hoá, vì vậy cơ bản các có ở giáo dục giáo đại học, giáo dục nghề nghiệp rất khó khăn, nguồn lực đầu tư thấp, vì vậy rất khó thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục đại học giáo dục nghề nghiệp đã đề ra. Vì vậy cần đưa vào Nghị quyết để ưu tiên đầu tư.  Quy định này thể hiện sự quan tâm, nhằm b**ảo đảm công bằng, cơ hội tiếp cận giáo dục cho mọi người dân**. Việc ưu tiên bố trí ngân sách cho giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế góp phần tiếp tục giảm nguy cơ gia tăng khoảng cách phát triển giáo dục giữa các vùng miền, các nhóm dân cư, hướng đến mục tiêu công bằng xã hội và phát triển bền vững.  Bên cạnh đó, quy định nhằm cụ thể hóa t**hực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về ưu tiên giáo dục phổ cập và giảm bất bình đẳng tại các Nghị quyết 29, Nghị quyết 71,… Ngoài ra, quy định này cũng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nhân lực chất lượng cao, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.** Nhà nước cần bảo đảm đầu tư thích đáng cho **giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên**, bởi đây là khâu quyết định đến chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Phát triển nhân lực trình độ cao là điều kiện then chốt để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và tự chủ của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khẳng định vai trò chủ đạo của Nhà nước trong định hướng chiến lược, kiến tạo phát triển và cung cấp nguồn lực[[7]](#footnote-7). Đồng thời, **Bảo đảm cân đối giữa mục tiêu công bằng và mục tiêu phát triển.** Chính sách ưu tiên phân bổ ngân sách vừa hướng tới **công bằng trong tiếp cận giáo dục** (không để ai bị bỏ lại phía sau), vừa hướng tới **nâng cao chất lượng nguồn nhân lực** cho phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Chính sách là sự cân bằng cần thiết giữa nhiệm vụ an sinh xã hội và yêu cầu phát triển nhanh, bền vững dựa trên tri thức, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo.  Ngoài ra, quy định này để đảm bảo triển khai thực hiện thành công các nhiệm vụ giải pháp mới đột phá quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo |
|  | Luật Ngân sách nhà nước  Luật Đầu tư công  Luật Khoa học và Công nghệ  Luật Giáo dục Đại học  Luật Giáo dục… | **Khoản 3 Điều 8**  3. Nhà nước xây dựng cơ chế tài chính để:  a) Bảo đảm điều kiện cần thiết để thực hiện chính sách giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở vào năm 2030; hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương vào năm 2035;  b) Phân bổ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp dựa trên sứ mạng, chất lượng và hiệu quả theo cơ chế thống nhất trong toàn ngành;  c) Ưu tiên đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với các ngành, lĩnh vực trọng điểm theo kết quả đầu ra; đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên giáo dục nghề nghiệp từ ngân sách nhà nước;  d) Bảo đảm có nguồn ngân sách riêng trong chi thường xuyên và đầu tư phát triển để tăng cường đầu tư, hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong giáo dục;  đ) Bố trí kinh phí cho các hoạt động giáo dục văn hóa, xã hội, thể thao, quốc phòng - an ninh và ngoại ngữ để hội nhập quốc tế, quảng bá hình ảnh, nâng cao vị thế quốc gia. | Ngoài ra, quy định này để đảm bảo triển khai thực hiện thành công các nhiệm vụ giải pháp mới đột phá quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.  Đây là chính sách đột phá, khai thông điểm nghẽn lớn về nguồn lực cho phát triển giáo dục đại học, phát triển nghiên cứu khoa học công nghệ. Việc ban hành cơ chế tài chính đặc biệt này là bước thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng, bảo đảm đồng bộ, khả thi trong triển khai. Chính sách giúp làm tốt vai trò điều tiết, định hướng của Nhà nước trong đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển các cơ sở đào tạo trọng điểm và nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong giáo dục. Bên cạnh đó việc bảo đảm nguồn lực cho khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo trong giáo dục là rất quan trọng, hoạt động khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo trong giáo dục không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn trực tiếp đóng góp vào phát triển kinh tế tri thức, chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, đặc thù của hoạt động này đòi hỏi nguồn lực ổn định, lâu dài, cả trong chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Do đó, cần thiết phải quy định một **nguồn ngân sách riêng**, tách biệt, để bảo đảm sự liên tục, tránh phụ thuộc hoàn toàn vào các nguồn kinh phí ngắn hạn, không ổn định.  Nhà nước có chính sách đảm bảo các cơ sở giáo dục đại học công lập đạt chuẩn tối thiểu để duy trì và đảm bảo chất lượng đảo tạo phục vụ nhân lực quốc gia. Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực chiến lược, công nghệ lõi, kỹ thuật, Nhà nước có chính sách hỗ trợ tài chính, ngân sách để đào tạo theo đặt hàng giao nhiệm vụ. |
|  | Các Dự án đầu tư công liên quan giáo dục hiện nay đang thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định hướng dẫn thi hành. | **Khoản 4 Điều 8**  4. Khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để phát triển giáo dục; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; đồng thời cho phép áp dụng cơ chế, thủ tục rút gọn đối với một số dự án đầu tư công quan trọng trong lĩnh vực giáo dục. | **Mặc chù, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Tuy nhiên, nguồn lực ngân sách nhà nước hạn chế, cần lấy đầu tư công là vốn mồi, dẫn dắt, thu hút thêm nhiều nguồn lực xã hội cho hiện đại hóa toàn diện hệ thống giáo dục quốc dân.**  Việc khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực hợp pháp từ tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài sẽ tạo thêm nguồn tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ và kinh nghiệm quản lý để nâng cao chất lượng, đa dạng hóa loại hình giáo dục. Ngoài ra, hoạt động xã hội hóa trong giáo dục liên quan trực tiếp đến lợi ích của người học, cộng đồng và Nhà nước, nên cần có nguyên tắc rõ ràng để tránh tiêu cực, lãng phí, thất thoát. Quy định bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả giúp tăng niềm tin xã hội, bảo đảm tính bền vững của các dự án giáo dục.  Ngoài ra, các dự án đầu tư công trong lĩnh vực giáo dục có nhiều nhiệm vụ tính đổi mới, sáng tạo, hàm lượng khoa học, công nghệ cao, đòi hỏi tiến độ nhanh để kịp thời. Do đó, quy định cho phép áp dụng cơ chế, thủ tục rút gọn đối với một số dự án quan trọng sẽ giúp rút ngắn thời gian chuẩn bị, sớm đưa công trình vào sử dụng, nâng cao hiệu quả đầu tư công, t**ạo đột phá trong triển khai các dự án giáo dục quan trọng.** Việc kết hợp huy động nguồn lực xã hội với cơ chế đầu tư công hiệu quả, linh hoạt sẽ tạo điều kiện thúc đẩy giáo dục phát triển đồng bộ, bền vững, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. **Quy định phù hợp với chủ trương định hướng phát triển giáo dục của Đảng và Nhà nước (Nghị quyết 29, Nghị quyết 71…) và l**àm sâu sắc hơn vai trò, quan hệ của Nhà nước, xã hội và thị trường đối với giáo dục.  Ngoài ra, quy định này để đảm bảo triển khai thực hiện thành công các nhiệm vụ giải pháp mới đột phá quy định tại Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo |
|  | Chưa quy định | **Khoản 5 Điều 8**  5. Nhà nước bảo đảm ngân sách trung ương để cung cấp miễn phí sách giáo khoa cho học sinh các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, phấn đấu hoàn thành mục tiêu này trước năm 2030 và cung cấp miễn phí giáo trình, miễn học phí đối với môn Giáo dục quốc phòng và an ninh tại các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp. | Quy định này nhằm luật hóa quy định tại nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 5 của Nghị quyết số 71-NQ/TW. Chính sách góp phần giảm bớt gánh nặng tài chính cho xã hội, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với giáo dục phổ thông, đảm bảo mọi học sinh có sách giáo khoa để học tập; thực hiện công bằng trong giáo dục, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đảm bảo mọi học sinh, không phân biệt hoàn cảnh, đều có đủ điều kiện học tập tối thiểu.  Môn học GDQPAN là môn học đặc thù, là môn học duy nhất được quy định bởi luật[[8]](#footnote-8). Điều 4 Luật GDQPAN đã chỉ rõ mục tiêu của môn học là: *“****Điều 4. Mục tiêu giáo dục quốc phòng và an ninh***  *Giáo dục cho công dân về kiến thức quốc phòng và an ninh để phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống dựng nước và giữ nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, nâng cao ý thức, trách nhiệm, tự giác thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa*”.  Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/5/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới đã chỉ rõ *“Giáo dục quốc phòng, an ninh là một bộ phận của nền giáo dục quốc dân, việc phổ cập và tăng cường giáo dục quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ chung của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, phải được chỉ đạo, tổ chức thực hiện chặt chẽ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, kết hợp giáo dục thường xuyên với giáo dục tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lịch sử truyền thống của Đảng, của dân tộc, lòng tự tôn dân tộc, ý thức sống và làm việc theo pháp luật, trong đó xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi công dân,”*  Khoản 2 Điều 36 Luật Giáo dục Đại học (đã được sửa đổi, bổ sung) quy định Bộ Giáo dục tổ chức biên soạn giáo trình GDQPAN để sử dụng chung trong các cơ sở giáo dục đại học nhưng không quy định việc phát hành giáo trình như thế nào nên không có cơ sở pháp lý để tổ chức phát hành giáo trình môn học.  Từ những lý do nêu trên, việc cung cấp miễn phí giáo trình, miễn học phí môn học GDQPAN, môn học giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, lịch sử truyền thống của đảng, của dân tộc là hết sức cần thiết đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. |
|  | - Quy định liên quan đến diện tích tối thiểu, quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục hiện đang thực hiện theo các quy định tại Thông từ số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2025 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Theo đó, các diện tích tối thiểu, quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất được thực hiện theo các quy định liên quan đến tiêu chuẩn, quy chuẩn của Luật quản lý tài sản công và các Nghị định hướng dẫn thi hành.  - Điều 97 Luật Giáo dục năm 2019 quy định Ưu tiên đầu tư tài chính và đất đai xây dựng trường học: “Bộ, cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đưa việc xây dựng trường học, công trình thể dục, thể thao, văn hóa, nghệ thuật phục vụ giáo dục vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương; ưu tiên đầu tư tài chính và đất đai cho việc xây dựng trường học và ký túc xá cho học sinh, sinh viên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội”  - Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2013) chỉ quy định miễn thuế với “Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục” (khoản 7 Điều 4);  phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục - đào tạo” (Khoản 10 Điều 4);  - Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/10/2025) đã bổ sung đối tượng liên quan đến giáo dục được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm: (1) Thu nhập từ hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đối tượng tệ nạn xã hội.; (2) Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục; (3) Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo; (4) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập, cơ sở giáo dục đại học công lập hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận được miễn thuế theo quy định của Chính phủ. | **Khoản 6 Điều 8**  6. Chính phủ quy định cơ chế ưu đãi đầu tư vượt trội cho giáo dục, bao gồm:  a) Quy định diện tích tối thiểu, quy chuẩn, tiêu chuẩn cơ sở vật chất giáo dục từng bước tiệm cận khu vực, quốc tế;  b) Ưu tiên quỹ đất sạch, giao đất sạch cho phát triển giáo dục; cho phép chuyển đổi phù hợp mục đích sử dụng đất sang đất giáo dục;  c) Thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất đối với cơ sở giáo dục trong nước theo quy định của pháp luật, phù hợp khả năng cân đối ngân sách;  d) Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận theo quy định pháp luật thuế hiện hành;  e) Ưu tiên sử dụng trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho cơ sở giáo dục; cho phép cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục theo quy định của pháp luật. | Các quy định này nhằm luật hóa quy định tại nhóm nhiệm vụ, giải pháp số 2 của Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025. Đây là các chính sách đột phá về nguồn lực đầu tư, tạo động lực và không gian mới cho phát triển giáo dục. Các cơ sở giáo dục hiện nay còn gặp nhiều khó khăn về tiếp cận đất đai, tín dụng ưu đãi, chính sách ưu đãi thuế…  Thực tế, nhiều địa phương thiếu quỹ đất dành cho giáo dục, dẫn đến quá tải, thiếu trường lớp, đặc biệt ở đô thị lớn và khu công nghiệp. Do vậy, việc ưu tiên quỹ đất sạch, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp để phát triển giáo dục sẽ bảo đảm quỹ đất lâu dài, ổn định cho lĩnh vực giáo dục, đ**áp ứng nhu cầu đất đai cho phát triển giáo dục.**  **Ngoài ra, quy định này cũng nhằm giảm gánh nặng chi phí, khuyến khích đầu tư vào giáo dục. C**ác cơ sở giáo dục, đặc biệt là cơ sở ngoài công lập, thường gặp khó khăn về chi phí mặt bằng, đất đai. Cơ chế miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất giúp giảm chi phí cố định, tạo điều kiện để cơ sở tập trung nguồn lực cho nâng cao chất lượng đào tạo. Quy định cũng sẽ k**huyến khích cơ sở giáo dục không vì lợi nhuận và bảo đảm công bằng chính sách.** Việc không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở tư thục hoạt động không vì lợi nhuận vừa khuyến khích mô hình giáo dục phi lợi nhuận, vừa tạo công bằng trong chính sách thuế. Đây là động lực để các nhà đầu tư, tổ chức xã hội, cá nhân tham gia phát triển giáo dục vì lợi ích cộng đồng.  Việc quy định ưu tiên sử dụng trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư sau sắp xếp cho cơ sở giáo dục; cho phép cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước đối với cơ sở giáo dục tư thục theo quy định của pháp luật nhằm s**ử dụng hiệu quả tài sản công, tránh lãng phí. T**hực tế hiện nay còn nhiều trụ sở, công trình nhà nước dôi dư sau sắp xếp bộ máy. Nếu được ưu tiên bố trí cho cơ sở giáo dục sẽ vừa tận dụng hiệu quả tài sản công, vừa giải quyết nhu cầu cơ sở vật chất cho giáo dục. Cơ chế cho thuê công trình thuộc sở hữu nhà nước cho cơ sở giáo dục tư thục cũng tạo thêm nguồn lực, tăng hiệu quả khai thác, đồng thời thúc đẩy phát triển đa dạng loại hình trường lớp. |
|  | Điểm a, Khoản 4, Điều 3 Nghị định số 201/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học quốc gia và các quy định của pháp luật có liên quan quy định: “a) Đại học quốc gia là đơn vị dự toán cấp I được Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách; thực hiện quản lý thống nhất việc phân bổ, giao dự toán ngân sách cho các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc đại học quốc gia; chịu trách nhiệm về công tác kế toán, quyết toán ngân sách của đại học quốc gia theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hiện hành”.  - Khoản 12 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước 2025: “Đơn vị dự toán cấp I là đơn vị dự toán ngân sách được Thủ tướng Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân giao dự toán ngân sách”. | **Khoản 7 Điều 8**  7. Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội và Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh được giao thẩm quyền, trách nhiệm như của người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của đơn vị theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công. | Quy định này nhằm tăng cường phân cấp cho Giám đốc Đại học Quốc gia, phát huy **vị trí, vai trò đặc thù của 02 Đại học Quốc gia tương ứng với quy định về đơn vị dự toán cấp I của 02 Đại học tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 11/7/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đại học Quốc gia**.  Với mô hình tổ chức đặc thù, quy mô lớn, tập hợp nhiều trường đại học thành viên, việc trao thẩm quyền quyết định đầu tư và quản lý tài sản công trực tiếp cho Giám đốc là cần thiết để bảo đảm sự chủ động, kịp thời trong điều hành. Ngoài ra, theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Thủ trưởng các cơ quan trung ương được giao thẩm quyền quyết định đầu tư, quản lý và sử dụng tài sản công trong phạm vi dự toán ngân sách được giao. Việc trao thẩm quyền tương tự cho Giám đốc 02 Đại học Quốc gia vừa bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, và phù hợp với địa vị pháp lý đặc biệt của hai ĐH này. |

1. Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của liên bộ Bộ GDĐT, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg; Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập; Thông tư số 22/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/8/2017 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 113/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ quy định phụ cấp đặc thù, phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm công việc và phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. [↑](#footnote-ref-2)
3. Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ quy định về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006 của Chính phủ quy định về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. [↑](#footnote-ref-3)
4. Nghị quyết số 29-NQ/TW. [↑](#footnote-ref-4)
5. Kết luận số 91-KL/TW. [↑](#footnote-ref-5)
6. Kết luận số 91-KL/TW; Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 06/6/2014 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao. [↑](#footnote-ref-6)
7. Nghị quyết 29-NQ/TW và các nghị quyết khác của Đảng có liên quan xác định vai trò của Nhà nước “thống nhất quản lý” và “chủ đạo trong đầu tư phát triển” đối với giáo dục. [↑](#footnote-ref-7)
8. Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh số 30/2013/QH13 [↑](#footnote-ref-8)